TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 02-3-2026.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà **Lê Thị Thu Hồng**.
+ Ông **Phạm Văn Nam**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Đinh Thị Huyền Đăng** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 587/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lương Thị L** - Sinh năm: 1981; địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn M** - Sinh năm: 1987; địa chỉ: Ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn M tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào ngày

13/02/2008 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, giữa bà và ông M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nhưng ông bà vẫn tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, đến khoảng cuối năm 2024 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, ông bà thường xuyên cự cãi nên sống ly thân từ khoảng cuối năm 2024 cho đến nay. Bà L cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với ông M, không thể đoàn tụ được nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông M, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà và ông M có hai người con chung là: Nguyễn Thị Mộng T - Sinh ngày 26/10/2008 và Nguyễn Phát T1 - Sinh ngày 31/3/2018, cả hai người con hiện đang sống chung với ông M. Khi ly hôn, bà L yêu cầu ông Nguyễn Văn M nuôi hai người con chung nêu trên, bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn M vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà L, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Ông và bà L có hai người con chung là: Nguyễn Thị Mộng T - Sinh ngày 26/10/2008 và Nguyễn Phát T1 - Sinh ngày 31/3/2018 (cả hai người con hiện đang sống chung với ông). Khi ly hôn, ông M yêu cầu nuôi hai người con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Lương Thị L, bị đơn là ông Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về căn cứ pháp luật được áp dụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 21, 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

(1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lương Thị L đối với ông Nguyễn Văn M.

(2) Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn M quyền nuôi hai người con chung giữa ông với bà L là: Nguyễn Thị Mộng T - Sinh ngày 26/10/2008 và Nguyễn Phát T1 - Sinh ngày 31/3/2018 (cả hai người con hiện đang sống chung với ông M), bà L không phải cấp dưỡng nuôi con do ông M không yêu cầu.

(3) Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lương Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với ông Nguyễn Văn M có địa chỉ tại: ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Ông M vắng mặt khi hòa giải, đồng thời bà L có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà L, ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà L, ông M theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Bà L, ông M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào ngày 13/02/2008 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của bà L, biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được bà L, ông M có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân, giữa ông bà không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống, bà L kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông M, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông M đồng ý ly hôn với bà L từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L với ông M đã đến mức trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà L về việc ly hôn với ông M theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông M yêu cầu được nuôi hai người con chung giữa ông với bà L là: Nguyễn Thị Mộng T - Sinh ngày 26/10/2008 và Nguyễn Phát T1 - Sinh ngày 31/3/2018. Bà L đồng ý để ông M được quyền tiếp tục nuôi hai người con, trong khi đó hai người con đang sống chung với ông M nên giao cho ông M được quyền tiếp tục nuôi hai người con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông M không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Bà L, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ. Đồng thời Tòa án cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2/ Về con chung:

Giao cho ông Nguyễn Văn M được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi hai người con chung giữa ông với bà Lương Thị L là: Nguyễn Thị Mộng T - Sinh ngày 26/10/2008 và Nguyễn Phát T1 - Sinh ngày 31/3/2018 (cả hai người con hiện đang sống chung với ông M) cho đến khi các người con đủ mười tám tuổi. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con do ông M không yêu cầu.

Bà Lương Thị L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở bà thực hiện quyền này. Trường hợp bà L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì ông M có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà L.

Vì lợi ích của con chung, bà L, ông M hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị L phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà L đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013020 ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long; bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Lương Thị L, ông Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Phụng Hiệp;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- T.H.A.D.S tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ-KT-TT và T.H.A-TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên